TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – AN GIANG
Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05/01/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Văn Hợp**;

Ông **Nguyễn Văn Kiện;**

Thư ký phiên toà: Ông **Danh Lý Khang** – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa - Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** – *Kiểm sát viên*

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 3 – An Giang và Quyết định hoãn phiên toà số: 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực 3 – An Giang, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh X, Sinh năm: 1995

Địa chỉ: ấp Vĩnh Thành B, xã Bình A, tỉnh An G.

* Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp Vĩnh Thành B, xã Bình A, tỉnh An G.

(chị Nguyễn Thanh X có mặt tại phiên tòa, anh Trần Văn M vắng mặt lần 02 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh X trình bày: Tôi và chồng là anh Trần Văn M tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là: Uỷ ban nhân dân xã Bình A, tỉnh An G) theo Giấy kết hôn số: 100/2013 ngày 06/8/2013. Trong quá trình chung sống tôi và anh Trần Văn Máy có 03 người con chung là: Trần Nhã Q (sinh ngày: 09/02/2015); Trần Khánh B (sinh ngày: 24/10/2017); Trần Kim A (sinh ngày: 26/7/2023), ngoài ra không có tài sản chung hay nợ chung. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau này thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhiều lần vợ chồng tôi tự hàn gắn nhưng không đem lại kết quả. Xét thấy, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang giải quyết như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh X yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn M.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thanh X yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 người con chung là: Trần Nhã Q (sinh ngày: 09/02/2015); Trần Khánh B (sinh ngày: 24/10/2017); Trần Kim A (sinh ngày: 26/7/2023) và không cấp dưỡng nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Trần Văn M đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ kể từ khi thụ lý vụ án như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng bị đơn vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn xét xử kể từ ngày thụ lý vụ án đến ngày Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh Xuân về việc yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Máy.

Về con chung: 03 người con chung là Trần Nhã Q (sinh ngày: 09/02/2015); Trần Khánh B (sinh ngày: 24/10/2017); Trần Kim A (sinh ngày: 26/7/2023) đề nghị HĐXX giao cho chị Nguyễn Thanh X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, do chị Xuân không có yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thanh X xác định không có và không yêu cầu, do đó đề nghị HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thanh X xác định không có và không yêu cầu, do đó đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] - *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] – *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp*: Toà án nhân dân khu vực 3 – An Giang nhận được đơn khởi kiện chị Nguyễn Thanh X yêu cầu ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con với anh Trần Văn M, đây là vụ án "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Bị đơn anh Trần Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: ấp Vĩnh Thành B, xã Bình A, tỉnh An G, do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản

1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

[1.2] – *Về sự vắng mặt của đương sự*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 3 – An G đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt lần 02 và không có lý do vắng mặt, nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn M là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] - *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thanh X và anh Trần Văn M có sự tự nguyện tìm hiểu nhau, sau đó chung sống với nhau và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2013 tại Uỷ ban nhân dân xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên G (nay là Uỷ ban nhân dân xã Bình An, tỉnh An G), đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Thời gian đầu vợ chồng chị X, anh Máy chung sống hạnh phúc với nhau, nhưng thời gian gần đây cả hai thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ, chồng không còn hạnh phúc nên hai người đã ly thân với nhau.

Hơn nữa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh M đến Tòa án, để tiến hành hòa giải giữa chị X với anh M, cũng như tạo điều kiện cho anh M có cơ hội để hàn gắn tình cảm với chị X, nhưng anh M nhiều lần vắng mặt không có lý do, từ đó cho thấy anh M không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, để được đoàn tụ với chị X.

Do đó, HĐXX nhận thấy mâu thuẫn giữa chị X với anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đối chiếu theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cho chị X và anh M ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]- *Về con chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, chị X xác định trong quá trình chung sống chị X và anh M có 03 người con chung là: Trần Nhã Q (sinh ngày: 09/02/2015); Trần Khánh B (sinh ngày: 24/10/2017); Trần Kim A (sinh ngày: 26/7/2023), hiện nay cả 03 cháu đang sinh sống với chị Xuân, nên chị Xuân yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh Máy cấp dưỡng. HĐXX nhận thấy, tại Bản ghi ý kiến, nguyện vọng của con chưa thành niên thì cả 02 cháu Trần Nhã Q và cháu Trần Khán B đều có nguyện vọng được

tiếp tục chung sống với chị X, còn cháu Trần Kim A hiện đang dưới 36 tháng tuổi thì sẽ ưu tiên giao cho người mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trong trường hợp người mẹ có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó cần tiếp tục giao các cháu Trần Nhã Q(sinh ngày: 09/02/2015); Trần Khánh B (sinh ngày: 24/10/2017); Trần Kim A (sinh ngày: 26/7/2023) cho chị Nguyễn Thanh X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chưa thành niên, cũng như để đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất về cả thể chất, tinh thần và giáo dục cho trẻ. Do chị Nguyễn Thanh Xkhông yêu cầu cấp dưỡng, nên HĐXX không xem xét.

[4] - *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thanh X xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này nếu sau này có phát tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] - *Về nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thanh X xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này nếu sau này có phát tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] - Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[7] - Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thanh X là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình với số tiền là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* mà chị Xuân đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0003078 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, nên chị Xuân không phải nộp thêm.

[8] – Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thanh X có mặt tại phiên toà nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần

Văn M vắng mặt tại phiên toà, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147,Điều 227, Điều 232, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh X về việc "*Tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*" với bị đơn anh Trần Văn M.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thanh X được ly hôn với anh Trần Văn M.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Nhã Q (sinh ngày: 09/02/2015); Trần Khánh B (sinh ngày: 24/10/2017); Trần Kim A (sinh ngày: 26/7/2023) cho chị Nguyễn Thanh X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chưa thành niên. Do chị Nguyễn Thanh X không có yêu cầu cấp dưỡng, nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thanh X xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thanh X xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thanh X phải chịu các khoản án phí gồm: án phí ly hôn với số tiền là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, nhưng chị X được khấu trừ vào 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003078 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, nên chị X không phải nộp thêm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị Nguyễn Thanh X có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;;*
- *VKSND khu vực 3,tỉnh An Giang;*
- *Phòng THADS khu vực 3, tỉnh An Giang;*
- *UBND Bình An, tỉnh An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Pì Sách